TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22–9- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần Thị Phương Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Út N, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lương Thị Út N trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị Lương Thị Út N và anh Nguyễn Việt T xây dựng hôn nhân năm 2001, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 129/2011, ngày 11/7/2011. Quá trình chung sống có 02 người con chung, cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2002 (đã trưởng

thành), cháu Nguyễn Chí H1 sinh ngày 25/02/2010, cháu H1 đang sống chung với chị N.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Do vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T có hành vi bạo lực đánh chị N phải nhập viện điều trị, mặc dù sống chung nhà nhưng chị N và anh T đã ly thân 03 năm nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi cháu H1 và yêu cầu anh Trung cấp d cho cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất chiều ngang 8m, dài từ lộ đến sông. Tiệm tạp hóa, 100 bình gas, 05 cái thùng kẹo kéo; phần đất trồng lúa có diện tích 5.200m^2 thửa 1237 và phần đất ở, vườn tạp và trồng lúa có diện tích 8398m^2 thuộc thửa 160, 171 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Phần tài sản chung này chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Việt T không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng anh T không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Út N đối với anh Nguyễn Việt T. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí H1, sinh ngày 25/02/2010, cho chị N tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và anh T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị N được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 19 tháng 7 năm 2023, chị Lương Thị Út N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Việt T. Anh T đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt

lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 129/2011, ngày 11/7/2011 nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo chị N xác định, cuộc sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mỗi khi cải nhau, anh T có hành vi đánh chị. Vào ngày 07 tháng 9 năm 2023, anh T đánh chị N gây thương tích phải nhập viện điều trị. Mặc dù sống chung nhà nhưng chị N và anh T đã ly thân 03 năm nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy ời trình bày của chị N là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Bởi theo biên bản ghi lời khai của Công an xã V, huyện V đối với anh T và bản tự khai của anh T cùng ngày 07 tháng 9 năm 2023 thể hiện anh T thừa nhận có hành vi đánh chị N gây thương tích, đồng thời anh T cũng cam kết không tái phạm, từ đó chị N không tiếp tục yêu cầu cơ quan Công an xử lý hành vi đánh người của anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị N và anh T không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, anh T và chị N đã ly thân gần 03 năm nay. Chị N không còn tình cảm với anh T, bản thân anh T cũng không tha thiết với cuộc hôn nhân này, không còn yêu thương chị N thể hiện qua việc dùng bạo lực đối với chị N; mặc khác, khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, anh T có nhà nhưng đều không đồng ý nhận; Điều này cho thấy anh T cũng bỏ mặc cho cuộc hôn nhân, không có thiện ý hàn gắn, đoàn tụ; từ đó cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[5]. Về con chung: Chị N và anh T chung sống với nhau có 02 người con chung, cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2002 (đã trưởng thành), cháu Nguyễn Chí H1 sinh ngày 25/02/2010, cháu H1 đang sống chung với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Xét thấy, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, chăm sóc, nuôi dạy cháu H1 cần tiếp tục giao cháu H1 cho chị N tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục, điều này phù hợp nguyện vọng cháu H1. Riêng cháu H đã trưởng thành và phát triển bình thường nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị N yêu cầu anh Trung cấp d nuôi cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù trong hồ sơ không có ý kiến của anh Trung liên q đến yêu cầu cấp dưỡng của chị N. Thế nhưng, Tòa án có thống báo thụ lý vụ án cho anh T biết, đồng thời bản thân anh T cũng có điều kiện kinh tế (tài sản). Do đó, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

[6]. Tài sản chung: Theo chị N xác định, vợ chồng chị có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất chiều ngang 8m, dài từ lộ đến sông. Tiệm tạp hóa, 100 bình gas, 05 cái thùng kẹo kéo; phần đất trồng lúa có diện tích 5.200m^2 thửa 1237 và phần đất ở, vườn tạp và trồng lúa có diện tích 8398m^2 thuộc thửa 160, 171 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Phần tài sản chung này chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về nợ chung: Không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013727 ngày 20 tháng 7 năm 2023 được chuyển thu án phí.

Ông T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch (án phí cấp dưỡng) với số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[9]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm d, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lương Thị Út N đối với anh Nguyễn Việt T. Xử cho chị Lương Thị Út N ly hôn với anh Nguyễn Việt T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí H1 sinh ngày 25/02/2010 cho chị Lương Thị Út N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu H1 đang sống cùng chị N.

Anh Nguyễn Việt T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Việt T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Chí H1 sinh ngày 25/02/2010 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2023) đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013727 ngày 20 tháng 7 năm 2023 được chuyển thu án phí.

Ông T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch (án phí cấp dưỡng) với số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi